

Bản án số: **372/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 10/8/2022

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Hồng Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt

2. Bà Lê Thị Kim Lệ

Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Mạnh Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 262/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 345/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 427/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Hoàng Q**, sinh năm 1969

Nơi cư trú: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Bích T**, sinh năm 1968

Nơi cư trú: Đường D, Phường B, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng Q trình bày:

Ông và bà T tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 72, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân Phường 13, Quận 4 cấp ngày 02/5/2022.

Sau khi kết hôn, do cuộc sống kinh tế khó khăn, ông Q phải chăm sóc ba bị bệnh, còn bà T buôn bán tại Quận E, nên ông Q sinh sống bên gia đình ông tại Quận G, còn bà T sinh sống tại Quận E. Lúc này, bà T đi lại giữa Quận E và Quận G để chung sống cùng ông Q. Sau đó, năm 2004, bà T về sinh sống hẳn bên Quận E, không về Quận G chung sống với ông Q. Từ đó, giữa ông Q và bà T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính cách ngày càng khác biệt, tình cảm ngày càng xa cách, không ai quan tâm đến ai. Đến năm 2009, ông Q nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân Quận 4, nhưng không được Tòa án chấp nhận và ông kháng cáo đến Tòa án nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh, vẫn không được chấp nhận đơn kháng cáo vì Tòa án mong muốn ông Q, bà T hàn gắn để xây dựng hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, sau khi Tòa án không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Q, thì giữa ông Q, bà T cũng không liên lạc và chung sống với nhau, cả hai cũng không quan tâm, tình cảm cả hai cũng không còn.

Hiện nay, ông Q nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên ông Q yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích T.

- Về con chung: Ông Nguyễn Hoàng Q và bà Nguyễn Thị Bích T có 01 con chung tên Nguyễn Kim N, sinh ngày 10/02/2003 (đã trưởng thành).

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Ông Nguyễn Hoàng Q khai nhận không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T: Tòa án đã triệu tập bà T tham gia tố tụng để ghi lời khai; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Ông Nguyễn Hoàng Q có đơn xin vắng mặt; bà Nguyễn Thị Bích T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Hoàng Q; Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Kim N, sinh ngày 10/02/2003 (đã trưởng thành); Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Ông Q xác nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét hôn nhân giữa ông Nguyễn Hoàng Q và bà Nguyễn Thị Bích T đã được Ủy ban nhân dân Phường 13, Quận 4 cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 72, quyền số 01 ngày 02/5/2002;. Ông Q yêu cầu ly hôn với bà T, nên có đủ cơ sở xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn;

Hiện nay, ông bà T đang cư trú tại Quận 4, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Thủ tục mở phiên tòa vắng mặt đương sự:

Ông Nguyễn Hoàng Q có đơn xin vắng mặt và bà Nguyễn Thị Bích T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 72, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân Phường 13, Quận 4 cấp ngày 02/5/2002, cùng lời khai của ông Q về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên có đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa ông Q và bà T là hôn nhân hợp pháp.

Nay ông Q yêu cầu ly hôn với bà T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Cuộc sống vợ chồng giữa ông Q và bà T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tình cảm ngày càng xa cách, không ai quan tâm đến ai. Năm 2009, ông Q nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân Quận 4, nhưng không được Tòa án chấp nhận và ông kháng cáo đến Tòa án nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh, nhưng không được chấp nhận đơn kháng cáo vì Tòa án cũng mong muốn ông Q và bà T hàn gắn để xây dựng hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, sau khi Tòa án không chấp nhận yêu cầu của ông Q, thì giữa ông Q, bà T cũng không liên lạc và chung sống với nhau, cả hai cũng không quan tâm, tình cảm cả hai cũng không còn.

Mặc dù, kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: *“Địa phương không có thông tin mâu thuẫn cũng như chưa giải quyết mâu thuẫn hôn nhân giữa ông Q và bà T”*. Tuy nhiên, Tòa án đã triệu tập bà T tham gia tố tụng nhiều lần nhằm tạo điều kiện cho ông Q và bà T cùng nhau khắc phục mâu thuẫn để đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng bà T vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện bà T không còn tha thiết gì cuộc hôn nhân này, không có thiện chí đoàn tụ và tiếp tục chung sống với ông Q.

Xét hôn nhân chỉ đạt được mục đích trên cơ sở vợ chồng phải yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình. Bên cạnh đó, vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau. Đây là quyền và nghĩa vụ vợ chồng đã được pháp luật ghi nhận. Đối chiếu với cuộc sống hôn nhân giữa ông Q và bà T, có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa ông Q và bà T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, quan hệ hôn nhân này không có điều kiện xây dựng vun đắp lại tình cảm. Do đó, ông Q yêu cầu ly hôn

với bà T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Căn cứ vào Giấy khai sinh số 25, quyển số 01/2003 ngày 18/02/2003 của Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh có đủ cơ sở xác định ông Q và bà T chung sống với nhau có 01 con chung tên là Nguyễn Kim N, sinh ngày 10/02/2003. Xét con chung đã trưởng thành, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Ông Nguyễn Hoàng Q khai nhận không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông Nguyễn Hoàng Q phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng Q về việc xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích T.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hoàng Q được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích T.

(theo Giấy chứng nhận kết hôn số 72, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường 13, Quận 4 cấp ngày 02/5/2002).

- Về con chung: Ông Nguyễn Hoàng Q và bà Nguyễn Thị Bích T có 01 con chung tên là Nguyễn Kim N, sinh ngày 10/02/2003 (đã trưởng thành), nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Ông Nguyễn Hoàng Q khai nhận không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Hoàng Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí ông Q đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0008555 ngày 24/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 4;
- Chi cục THADS Quận 4;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký hộ tịch;
- Lưu: Vp, hồ sơ (10).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Trần Hồng Loan